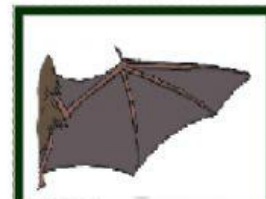




Name:

Class: 3

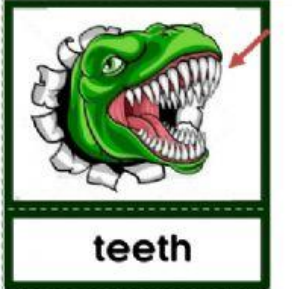
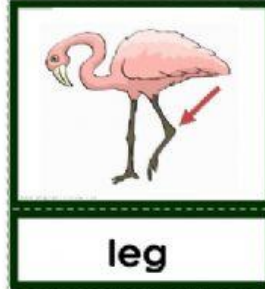
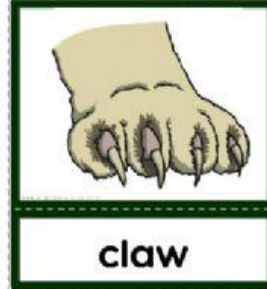
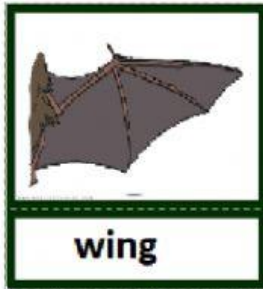
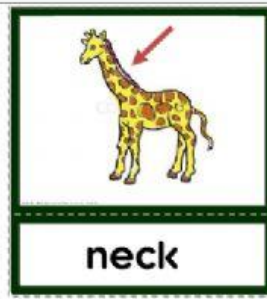
PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (20 - 24/09/2021)

Thời gian	Nội dung học - Unit 2 – Big Question + Vocabulary 1			
Thứ 2 (20/09)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần Con mở audio bên cạnh để nghe bài.			
	 beak www.eslprintables.com	 neck www.eslprintables.com	 paw www.eslprintables.com	 trunk www.eslprintables.com
	 wing www.eslprintables.com	 claw www.eslprintables.com	 leg www.eslprintables.com	 teeth www.eslprintables.com
2) Con chép từ: vẽ hình minh họa và luyện viết mỗi từ 2 dòng, sau đó nộp lên Teams.				

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần

Con mở audio bên cạnh để nghe bài.

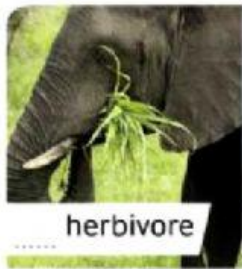
Thứ 3
(21/09)



2) Con làm phiếu số 1 trên liveworksheet – G3_Sep_W3

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần

Con mở audio bên cạnh để nghe bài.



herbivore



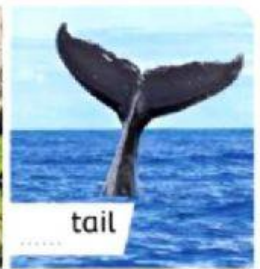
carnivore



dinosaur



horn



tail



extinct



quick



careful



loud



dead

2) Con chép bài, luyện viết từ mới sau đó nộp lên Teams.

3) Con chuẩn bị bài nói của cô chuyên gia (hạn nộp- thứ 6 ngày 24/9).

Con giới thiệu về một con vật mà con yêu thích, quay video gửi lên Teams. Con có thể nói theo các gợi ý sau:

My favorite animal

(My favorite animal is...../ It is...../It has...../ It eats...../It can...../)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 2 lần

Con mở audio bên cạnh để nghe bài.



Thứ 5
(23/09)

2) Con làm phiếu số 2 trên liveworksheet – G3_Sep_W3:

3) Con làm bài 1,2,3 trong sách Workbook - Now I Know 3 trang 19.

Thứ 6 (24/09)	1) Con làm phiếu số 3 trên liveworksheet – G3_Sep_W3: 2) Chụp ảnh những trang sau gửi lên Teams: • Sách Student Book: trang 21,22 • Sách Workbook : trang 18, 19
--------------------------	---

~ THE END ~